

PHỤ LỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG LĨNH VỰC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TƯ PHÁP
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTP ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Cơ quan thực hiện
1	1.003091	Yêu cầu thi hành án dân sự	- Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; - Nghị định số 152/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Thi hành án dân sự; - Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu và quy trình xử lý, giải quyết kiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự; - Thông tư số 72/2026/TT-BTC ngày 23/6/2026 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, giảm, chế độ thu, nộp phí thi hành án dân sự	- Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố; - Thi hành án quân khu và tương đương.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Cơ quan thực hiện
2	1.002270	Xác nhận kết quả thi hành án	- Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; - Nghị định số 152/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự; - Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự.	- Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố; - Thi hành án quân khu và tương đương.

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TƯ PHÁP

1. Thủ tục yêu cầu thi hành án dân sự

Trình tự thực hiện:

- Đương sự tự mình hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc yêu cầu thi hành án đến cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền bằng một trong các hình thức sau đây:

+ Gửi yêu cầu trên môi trường số qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của Bộ Tư pháp, ứng dụng VNeID hoặc phương tiện điện tử khác theo quy định của pháp luật;

+ Trực tiếp nộp đơn yêu cầu hoặc trình bày bằng lời nói. Trường hợp trình bày bằng lời nói thì cơ quan thi hành án dân sự phải lập biên bản có các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này, có chữ ký của người lập biên bản, chữ ký hoặc điểm chỉ của người yêu cầu; biên bản này có giá trị như đơn yêu cầu;

+ Gửi đơn yêu cầu qua dịch vụ bưu chính;

+ Hình thức khác theo quy định của pháp luật.

- Ngày yêu cầu thi hành án được tính từ ngày người yêu cầu nộp đơn hoặc trình bày trực tiếp hoặc ngày có dấu bưu điện nơi gửi.

- Khi tiếp nhận yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự phải cấp phiếu nhận yêu cầu. Cơ quan thi hành án dân sự chỉ vào sổ nhận yêu cầu thi hành án khi nội dung yêu cầu thi hành án và các tài liệu kèm theo chính xác, đầy đủ theo quy định.

- Cơ quan Thi hành án dân sự từ chối yêu cầu thi hành án khi thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 4 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 và phải thông báo cho người yêu cầu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu thi hành án.

- Thời hạn ra quyết định thi hành án theo yêu cầu là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu thi hành án.

Cách thức thực hiện: Được thực hiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của Bộ Tư pháp, Ứng dụng VNeID hoặc trực tiếp nộp đơn yêu cầu hoặc trình bày bằng lời nói hoặc gửi đơn yêu cầu qua dịch vụ bưu chính hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Thành phần hồ sơ:

- Đơn yêu cầu thi hành án hoặc biên bản ghi nhận yêu cầu thi hành án;

- Bản án, quyết định và tài liệu khác có liên quan (nếu có);

- Tài liệu thông tin về tài sản hoặc điều kiện thi hành của người phải thi hành án (nếu có);

- Trường hợp ủy quyền phải kèm theo giấy ủy quyền hợp pháp và xuất trình tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật.

Lưu ý: Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư không được đầy đủ, không chính xác thì cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung một trong các giấy tờ sau đây: Thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân;

- Trường hợp yêu cầu thi hành án quá hạn, ngoài các tài liệu nêu trên, người yêu cầu thi hành án nộp kèm theo bản gốc hoặc bản sao có chứng thực các tài liệu chứng minh lý do không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn để đối chiếu hồ sơ. Tài liệu chứng minh gồm:

+ Đối với trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc do đương sự chết mà chưa xác định được người thừa kế hoặc do trở ngại khách quan xảy ra tại địa phương nên không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú cuối cùng hoặc nơi cư trú khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, trừ trường hợp quy định tại *Điều 3 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Thi hành án dân sự.*

Lưu ý: Trong trường hợp cần sử dụng đến thông tin về nơi cư trú của người đề nghị xác nhận về sự kiện bất khả kháng thì cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công thực hiện khai thác thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo một trong các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

Nếu không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP hoặc thông tin khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư không được đầy đủ, không chính xác thì cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công có thể yêu cầu công dân nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP. Các loại giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú được quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP bao gồm: Thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

+ Đối với trường hợp tai nạn, ốm nặng đến mức mất khả năng nhận thức nên không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn thì phải có tóm tắt hồ sơ bệnh án được cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ cấp huyện trở lên xác nhận và tài liệu kèm theo, nếu có.

+ Đối với trường hợp do yêu cầu công tác nên không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn thì phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị hoặc giấy cử đi công tác của cơ quan, đơn vị đó.

+ Đối với trường hợp do lỗi của cơ quan xét xử, cơ quan thi hành án nên không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn thì phải có xác nhận của cơ quan đã ra bản án, quyết định, cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

+ Đối với trường hợp hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, chuyển đổi hình thức, chuyển giao bắt buộc, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp thì phải có văn bản hợp pháp chứng minh thời gian chưa xác định được tổ chức, cá nhân mới có quyền yêu cầu thi hành án.

+ Đối với các trường hợp bất khả kháng, trở ngại khách quan khác nên không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn thì phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc tài liệu hợp pháp khác để chứng minh.

Xác nhận của tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải thể hiện rõ địa điểm, nội dung và thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan dẫn đến việc đương sự không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn.

- Đối với trường hợp đã trả đơn yêu cầu thi hành án trước ngày 01/07/2015 yêu cầu thi hành án phải kèm theo quyết định trả đơn yêu cầu thi hành án, tài liệu khác có liên quan. Trường hợp không còn quyết định trả lại đơn yêu cầu thi hành án, người được thi hành án có quyền đề nghị cơ quan thi hành án đã ra quyết định trả lại đơn yêu cầu thi hành án xác nhận về việc đã trả đơn và thụ lý giải quyết việc thi hành án.

Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu thi hành án.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người được thi hành án, người phải thi hành án hoặc người được ủy quyền (cá nhân).

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố/Thi hành án quân khu và tương đương.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thi hành án dân sự hoặc thông báo về việc từ chối thi hành án theo yêu cầu.

Phí, Lệ phí (nếu có): Thực hiện theo Điều 5 và 6 Thông tư số 72/2026/TT-BTC ngày 23/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, giảm, chế độ thu, nộp phí thi hành án dân sự.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn yêu cầu thi hành án (Mẫu số D01-THADS); hoặc Biên bản về việc ghi nhận yêu cầu thi hành án (Mẫu số D34-THADS).

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

a) Cơ quan thi hành án dân sự từ chối yêu cầu thi hành án và phải thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu thi hành án trong các trường hợp sau đây:

- Người yêu cầu không có quyền yêu cầu thi hành án hoặc nội dung yêu cầu không liên quan đến nội dung của bản án, quyết định;

- Bản án, quyết định không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các đương sự theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 31 Luật Thi hành án dân sự trong trường hợp bản án, quyết định không xác định rõ khoản phải thi hành hoặc không xác định rõ người phải thi hành án, trừ các trường hợp: (i) Giao quyền sở hữu, sử dụng, quản lý tài sản mà tại thời điểm yêu cầu thi hành án, người được thi hành án không được trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản; (ii) Giao quyền nuôi dưỡng người chưa thành niên mà tại thời điểm yêu cầu thi hành án, người được thi hành án không được trực tiếp nuôi dưỡng; (iii) Giao quyền thăm nom, chăm sóc người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người không có khả năng lao động cho người được thi hành án không trực tiếp nuôi dưỡng.

- Cơ quan thi hành án dân sự được yêu cầu không có thẩm quyền thi hành án;

- Hết thời hiệu yêu cầu thi hành án.

b) Thời hiệu yêu cầu thi hành án

- Trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ra quyết định thi hành án.

Trường hợp thời hạn thực hiện nghĩa vụ được ấn định trong bản án, quyết định thì thời hạn 05 năm được tính từ ngày nghĩa vụ đến hạn.

Đối với bản án, quyết định thi hành theo định kỳ thì thời hạn 05 năm được áp dụng cho từng định kỳ, kể từ ngày nghĩa vụ đến hạn.

- Đối với các trường hợp hoãn, tạm đình chỉ thi hành án theo quy định của Luật này thì thời gian hoãn, tạm đình chỉ không tính vào thời hiệu yêu cầu thi hành án, trừ trường hợp người được thi hành án đồng ý cho người phải thi hành án hoãn thi hành án.

- Trường hợp người yêu cầu thi hành án chứng minh được do trở ngại khách quan hoặc do sự kiện bất khả kháng mà không thể yêu cầu thi hành án đúng thời hạn thì thời gian có trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng không tính vào thời hiệu yêu cầu thi hành án.

Căn cứ pháp lý:

- Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

- Nghị định số 152/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

- Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;
- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;
- *Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự;*
- Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 01/8/2016 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định một số vấn đề về thủ tục thi hành án dân sự và phối hợp liên ngành trong thi hành án dân sự;
- *Thông tư số 72/2026/TT-BTC ngày 23/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, giảm, chế độ thu, nộp phí thi hành án dân sự;*
- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;
- *Quyết định số 89/QĐ/BTP ngày 15/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Thi hành án dân sự;*
- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Mẫu số: D01-THADS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU THI HÀNH ÁN

Kính gửi: Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố

Họ và tên người yêu cầu thi hành án¹ :.....
địa chỉ:
ngày tháng năm sinh:.....
số định danh:.....
số điện thoại (nếu có):.....

Họ và tên người được thi hành án
địa chỉ:
ngày tháng năm sinh:.....
số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....
số điện thoại (nếu có):.....

Họ và tên người phải thi hành án
địa chỉ:.....
ngày tháng năm sinh:.....
số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....
số điện thoại (nếu có):.....

1. Các khoản yêu cầu thi hành án:

.....
.....
.....

2. Thông tin về tài sản, điều kiện thi hành của người phải thi hành án (nếu có)²:

.....
.....
.....

3. Số tài khoản ngân hàng để nhận tiền (nếu có):

.....
.....

¹ Trường hợp ủy quyền phải kèm theo giấy ủy quyền hợp pháp và xuất trình tài khoản định danh điện tử theo quy định của pháp luật hoặc bản chính một trong các giấy tờ sau đây: Hộ chiếu, Căn cước công dân.

² Trường hợp yêu cầu thi hành án trở lại sau khi cơ quan thi hành án dân sự đã gửi lại yêu cầu thi hành án theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Luật Thi hành án dân sự thì phải cung cấp tài liệu chứng minh người phải thi hành án có điều kiện thi hành.

4. Các tài liệu kèm theo:

- Bản án, Quyết định sốngày...tháng....năm.....của
- Tài liệu thông tin về tài sản hoặc điều kiện thi hành của người phải thi hành án (nếu có).

- Trường hợp yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài thì phải cung cấp thông tin, tài liệu về việc Tòa án thụ lý đơn yêu cầu huỷ phán quyết trọng tài hoặc việc đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc.

- Trường hợp yêu cầu thi hành án quá hạn thì phải nộp bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc dữ liệu điện tử các tài liệu chứng minh lý do không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn quy định tại Điều 3 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự để cơ quan thi hành án dân sự đối chiếu.

-Tài liệu có liên quan khác:.....

.....

..... ngày tháng năm

Người yêu cầu thi hành án

(Ký, ghi rõ họ, tên hoặc điểm chỉ)³

³ Trường hợp đương sự yêu cầu thi hành án theo hình thức trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, ứng dụng định danh điện tử (VNeID) thì người yêu cầu không phải ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ.

Mẫu số: D34-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN**
Về việc ghi nhận yêu cầu thi hành án

Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....tại Thi hành án dân sự

.....

Chúng tôi gồm:

Ông (bà):, chức vụ:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Lập biên bản ghi nhận yêu cầu thi hành án của:

Ông (bà):.....

địa chỉ:.....

ngày tháng năm sinh:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

số điện thoại (nếu có):.....

Họ, tên người được thi hành án

địa chỉ:.....

ngày tháng năm sinh:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

số điện thoại (nếu có):.....

Họ, tên người phải thi hành án

địa chỉ:.....

ngày tháng năm sinh:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

số điện thoại (nếu có):.....

1. Các khoản yêu cầu thi hành:

.....

.....

.....

2. Thông tin về tài sản, điều kiện thi hành của người phải thi hành án (nếu có)⁴:**3. Số tài khoản ngân hàng để nhận tiền (nếu có):**

.....

.....

⁴ Trường hợp yêu cầu thi hành án trở lại sau khi cơ quan thi hành án dân sự đã gửi lại yêu cầu thi hành án theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Luật Thi hành án dân sự thì phải cung cấp tài liệu chứng minh người phải thi hành án có điều kiện thi hành.

4. Tài liệu kèm theo:

- Bản án, Quyết định sốngày ...thángnăm của
- Tài liệu thông tin về tài sản hoặc điều kiện thi hành của người phải thi hành án (nếu có).....
- Trường hợp yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài thì phải cung cấp thông tin, tài liệu về việc Tòa án thụ lý đơn yêu cầu huỷ phán quyết trọng tài hoặc việc đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc .
- Trường hợp yêu cầu thi hành án quá hạn thì phải nộp bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc dữ liệu điện tử các tài liệu chứng minh lý do không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn quy định tại Điều 3 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự để cơ quan thi hành án dân sự đối chiếu.
- Tài liệu có liên quan khác

Biên bản lập xong hồi.....giờ.....cùng ngày, lập thànhbản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, nhất trí, ký tên./.

NGƯỜI YÊU CẦU THI HÀNH ÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

4. Thủ tục Xác nhận kết quả thi hành án

Trình tự thực hiện:

- Đương sự và người thân có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xác nhận kết quả thi hành án.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của đương sự. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp giấy xác nhận kết quả thi hành án.

- Nội dung của văn bản xác nhận phải thể hiện rõ khoản nghĩa vụ theo bản án, quyết định, nghĩa vụ phải thi hành theo quyết định thi hành án và kết quả thi hành án cho đến thời điểm xác nhận.

- Kết quả thi hành án được xác nhận thể hiện việc đương sự đã thực hiện xong toàn bộ hoặc một phần quyền, nghĩa vụ của mình theo quyết định thi hành án hoặc thi hành xong nghĩa vụ thi hành án của từng định kỳ, thời hạn trong trường hợp việc thi hành án được tiến hành theo định kỳ, theo thời hạn.

Cách thức thực hiện: Được thực hiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của Bộ Tư pháp, Ứng dụng VneID hoặc trực tiếp nộp đơn hoặc trình bày bằng lời nói hoặc gửi đơn đề nghị qua dịch vụ bưu chính.

Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị xác nhận kết quả thi hành án.

- Trường hợp ủy quyền phải kèm theo giấy ủy quyền hợp pháp và xuất trình tài khoản định danh điện tử theo quy định của pháp luật.

Nếu không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP hoặc thông tin khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư không được đầy đủ, không chính xác thì cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công có thể yêu cầu công dân nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP. Các loại giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú được quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP bao gồm: Thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của đương sự.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đương sự (cá nhân, tổ chức) hoặc thân nhân của đương sự hoặc người được đương sự ủy quyền.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố/Thi hành án quân khu và tương đương.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận kết quả thi hành án.

Lệ phí (nếu có): Không.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị xác nhận kết quả thi hành án (Mẫu D07-THADS).

Căn cứ pháp lý:

- Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;
- *Nghị định số 152/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;*
- *Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự;*
- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;
- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.
- *Quyết định số 89/QĐ/BTP ngày 15/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Thi hành án dân sự;*
- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Xác nhận kết quả thi hành án

Kính gửi: Thi hành án dân sự

Họ và tên người đề nghị⁵:.....
địa chỉ:.....
Theo Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng
.....năm.....của.....và
Quyết định thi hành án số..... ngày..... tháng năm của Thi hành án
dân sự..... thì
địa chỉ:

1. Phải thi hành các khoản:

.....
.....

2. Đã thi hành các khoản:

.....
.....

3. Còn phải thi hành các khoản:

.....
.....

4. Đề nghị xác nhận kết quả thi hành án:

.....
.....

5. Các tài liệu kèm theo:

.....
.....

..... ngày tháng năm 20.....

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ, tên hoặc điểm chỉ)⁶

⁵ Trường hợp ủy quyền phải gửi kèm giấy ủy quyền hợp pháp và xuất trình tài khoản định danh điện tử theo quy định của pháp luật hoặc bản chính một trong các giấy tờ sau đây: Hộ chiếu, Căn cước công dân.

⁶ Trường hợp đương sự yêu cầu xác nhận kết quả thi hành án theo hình thức trực tuyến quy Công Dịch vụ công quốc gia, ứng dụng định danh điện tử (VneID) thì không phải ký tên, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ.